CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH[1]
Về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam[2]

Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/11/2006, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

2. Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26 tháng 11 năm 2003;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 văn bản sau:

- Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/11/2006;

- Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017;

- Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 văn bản nêu trên.

[2] *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã* được đổi tên thành *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam* theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Căn cứ Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính[3],

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.[4] *Thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam*[5] *(sau đây gọi tắt là Quỹ) trực thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả hoạt động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.*

---

[3] - Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã".

- Nghị định số 45/2021/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã."

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[5] *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã* được đổi tên thành *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam* theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Điều 2.[6] ***(được bãi bỏ)***

Điều 3. Phương thức hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam[7]

1.[8] ***(được bãi bỏ)***

2. [9] ***(được bãi bỏ)***

3.[10] ***(được bãi bỏ)***

4.[11] ***(được bãi bỏ)***

Điều 4. [12] ***(được bãi bỏ)***

Điều 5. Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam[13]

1.[14] ***(được bãi bỏ)***

2.[15] ***(được bãi bỏ)***

---

[6] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[7] *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã* được đổi tên thành *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam* theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[8] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[10] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[11] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Điều này được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[13] *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã* được đổi tên thành *Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam* theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[14] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Điều 6.[16] ***(được bãi bỏ)***

Điều 7.[17] ***(được bãi bỏ)***

Điều 8.[18] ***(được bãi bỏ)***

Điều 9.[19] ***(được bãi bỏ)***

Điều 10.[20] ***(được bãi bỏ)***

Điều 11. Điều khoản thi hành[21]

---

[16] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[17] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[18] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[19] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[20] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Điều này được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[21] - Điều 3, Điều 4 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg quy định như sau:

*"**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.*

***Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này."*

- Điều 57, Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP quy định như sau:

*"**Điều 57. Điều khoản thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ các nội dung quy định tại:

a) Điều 2; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 3; Khoản 2 Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

b) Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

c) Điểm a và b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ hợp tác xã và các bên liên quan trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thoả thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ hợp tác xã và các bên liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này, trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ hợp tác xã thừa so với số phải trích thì phần chênh lệch thừa được hoàn nhập vào thu nhập; trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ hợp tác xã thiếu so với số phải trích, trong vòng 12 tháng, Quỹ hợp tác xã thực hiện bổ sung dự phòng rủi ro theo quy định.

3. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được bổ sung tăng vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã nhưng không quá số vốn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Quỹ hợp tác xã phải trình cấp có thẩm quyền quy định lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này. Trong thời gian chưa ban hành lãi suất, Quỹ hợp tác xã được áp dụng lãi suất hiện hành để thực hiện cho vay.

5. Đối với các Quỹ hợp tác xã đã thành lập và đang hoạt động trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: Tối đa trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Quỹ hợp tác xã phải rà soát, tổ chức sắp xếp lại:

a) Mô hình hoạt động của Quỹ hợp tác xã;

b) Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ hợp tác xã;

c) Bổ sung vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ hợp tác xã địa phương theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 37 Nghị định này;

d) Đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ hợp tác xã địa phương tại Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với Quỹ hợp tác xã hoạt động theo mô hình hợp tác xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh quyết định thành lập đối với Quỹ hợp tác xã hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

6. Chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được bổ nhiệm theo Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được bổ nhiệm thành Tổng giám đốc, Phó Giám đốc theo quy định tại Nghị định này.

7. Đổi tên Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

1.[22] ***(được bãi bỏ)***

2. [23] ***(được bãi bỏ)***

3. [24] ***(được bãi bỏ)***

4.[25] ***(được bãi bỏ)***

5.[26] ***(được bãi bỏ)***

6.[27] ***(được bãi bỏ).***

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 14 /VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC (6b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2023

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Việt Nam. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam kế thừa các quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã."

[22] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[23] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[24] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

[25] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[26] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

[27] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2021.

Khoản này đã được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.